

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 29-2-2024

V/v chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị ThAnh Thuỷ

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương, Bà Ông Lò Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2023/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc: “Chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/HNGĐ- ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐ-PT, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị G; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:

3.1. Bà Lưu Thị T1; Địa chỉ: Bản N, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

3.2. Anh Nguyễn Tuấn A; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

3.3. Bà Phạm Thị Minh A; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

3.4. Anh Đỗ Đại D, chị Nguyễn Thị Hải Y; cùng Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 6, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

3.5. Chị Nguyễn Thị Kiều O; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên;

3.6. Chị Nguyễn Thị Thúy T và Anh Vũ Tiến T2; cùng Địa chỉ: Số nhà 138, Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

Người đại diện theo ủy quyền cho Anh Vũ Tiến T2: Chị Nguyễn Thị Thúy T; Địa chỉ: Số nhà 138, Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Theo giấy ủy quyền số chứng thực 258, quyền số 01/2023 ngày 11/9/2023).

4. Người kháng cáo:

- Anh Nguyễn Đức L là bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt: Chị G, Anh L, bà A, Anh D; Vắng mặt: Anh Tuấn A, chị Y, chị O, chị T, Bà T1, Anh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, chị Phạm Thị G trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Tôi và Anh L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ép buộc có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2009 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống được một thời gian hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2022, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi không thể hàn gắn được, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Nay, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Anh L.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Phương Thảo - sinh ngày 01/12/2010 và cháu Nguyễn Quang Minh - sinh ngày 15/02/2013. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh, Anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo, cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản sau:

- 01 ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, màu xanh, hãng TRACO Trường Hải 4,5 tấn, trị giá khoảng 200.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết Anh L đưa ra giá trị chiếc xe là 160.000.000 đồng, tôi đồng ý với giá trị Anh L đưa ra.

- 01 xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1-77034, màu mận chín, trị giá khoảng 3.000.000 đồng, Anh L đưa ra giá trị chiếc xe là 2.000.000 đồng, tôi đồng ý với giá trị Anh L đưa ra.
- 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 15.000.000 đồng;
- 01 sập gỗ mua năm 2017, trị giá 1.500.000 đồng.
- 01 Ti vi nhãn hiệu Sony 43 in, trị giá 2.000.000 đồng.

- 01 máy giặt nhãn hiệu PAasonic, trị giá 2.000.000 đồng.
- 01 giàn năng lượng mặt trời, trị giá 4.000.000 đồng.
- 01 tủ lạnh PAasonic, trị giá 1.000.000 đồng
- 01 téc nước 2,5 khối, trị giá 1.000.000 đồng.
- 01 máy lọc nước nhãn hiệu Ariston, trị giá 500.000 đồng.
- 01 giường gỗ Pơ mu, trị giá 2.000.000 đồng.
- 01 tủ quần áo nhựa 04 ngăn, trị giá 200.000 đồng.
- 01 bộ bàn ghế ăn gồm: 06 ghế ngồi và 01 bàn, trị giá 2.000.000 đồng.
- Số tiền 1.480.000.000 đồng;

* Quan điểm của tôi về các tài sản chung như sau:

- Các tài sản gồm: Sập gỗ, Ti vi, máy giặt, giàn năng lượng mặt trời, tủ lạnh, téc nước 2,5 khối, máy lọc nước, giường gỗ, tủ quần áo nhựa 04 ngăn, một bộ bàn ghế ăn, có tổng giá trị là: 16.200.000 đồng. Tôi đề nghị Tòa án chia đôi, mỗi người một nửa, hiện nay tôi là người đAg quản lý, sử dụng các tài sản này, nên tôi muốn được tiếp tục quản lý sử dụng, tôi sẽ thAnh toán cho Anh L 1/2 giá trị các tài sản là: 8.100.000 đồng.

- Các tài sản là: 01 ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, 01 xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034, tôi yêu cầu chia đôi các tài sản này, 02 tài sản này có tổng giá trị là: 162.000.000 đồng. Do Anh L đAg quản lý sử dụng, nên để Anh L tiếp tục quản lý, sử dụng, Anh L sẽ phải trả cho tôi 1/2 giá trị của hai tài sản là 81.000.000 đồng.

- Về số tiền 1.480.000.000 đồng: Nguồn gốc số tiền này do hai vợ chồng tôi bán mảnh đất có địa chỉ tại: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CP 039094, số vào sổ cấp GCN: CH 44786, mAg tên Nguyễn Đức L và Phạm Thị G do UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 16/3/2020, trên đất có ngôi nhà cấp 4 02 giA, lợp tôn. Mảnh đất bán cho Anh Tuấn A vào tháng 12/2022 được 1.580.000.000 đồng. Anh Tuấn A trả trước cho tôi với Anh L 100.000.000 đồng, số tiền này tôi và Anh L đã thống nhất trả tiền nợ là 94.000.000 đồng, 6.000.000 đồng còn lại, Anh L quản lý, nên tôi không yêu cầu giải quyết. Số tiền 1.480.000.000 đồng còn lại, khi mua bán đất, các bên thỏa thuận khi nào Anh Tuấn A làm xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Anh Tuấn A sẽ trả nốt. Đến ngày 03/01/2023, Anh Tuấn A đã tự ý chuyển tiền vào tài khoản của Anh L, nhưng Anh L và Anh Tuấn A đều không nói cho tôi biết. Trong đơn khởi kiện tôi yêu cầu tòa án chia đôi và buộc Anh L phải trả cho tôi 1/2 số tiền 1.480.000.000 đồng là: 740.000.000 đồng, tại phiên tòa tôi xin thay đổi nội dung này, đề nghị Tòa án phân chia số tiền theo quy định của pháp luật, nhưng có tính đến công sức đóng

góp của mỗi bên vì nguồn gốc mảnh đất là do: Mẹ chồng tôi là bà Phạm Thị Minh A cho hai vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh L xuất trình các tài liệu là giấy vay nợ giữa Anh L với bà Phạm Thị Minh A là 480.000.000 đồng, chị Nguyễn Tuấn Ahị Kiều O 200.000.000 đồng, chị Nguyễn Tuấn Ahị Thúy T100.000.000 đồng, Anh Đỗ Đại D 500.000.000 đồng, Anh Nguyễn Tuấn A 200.000.000 đồng, Anh L đã dùng số tiền 1.480.000.000 đồng, là tài sản chung của vợ chồng đi trả các khoản nợ này, tôi không đồng ý, vì vợ chồng tôi trong quá trình sinh sống không làm việc gì lớn, chưa bao giờ hai vợ chồng nói chuyện hay thống nhất với nhau về việc phải vay các khoản nợ này, tôi và Anh L đều có thu nhập, công việc của tôi là làm may tại nhà, với mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/ 01 tháng, ngoài ra còn chăm sóc con cái, làm công việc nhà, Anh L chạy xe có thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/ 1 tháng, Anh L xuất trình cho Tòa án các tài liệu vay nợ với những chủ nợ trên đều là những người thân thích của Anh L, Anh L vay tiền làm gì, có vay hay không tôi đều không biết, tại phiên tòa Anh L và những người cho Anh L vay tiền đều thừa nhận khi Anh L vay và nhận tiền đều không có tôi, khi nhận tiền vay, Anh L là người quản lý, tôi không được biết các khoản vay này, còn Anh L nói đó là tiền vay để mua xe ô tô là không đúng vì tiền mua xe ô tô, đều là tiền của vợ chồng tôi. Không phải vay mượn ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tôi đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung là: Bộ bàn ghế gỗ có giá trị khoảng 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, tài sản này chúng tôi đã thỏa thuận được với nhau, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ: Đối với khoản nợ của bà Lưu Thị T1 là: 20.000.000 đồng, chúng tôi đã trả cho Bà T1, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Anh Nguyễn Đức L trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Tôi và cô G lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2009 như cô G trình bày ở trên là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi nhất trí ly hôn.

2.2. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Phương Thảo - sinh ngày 01/12/2010 và cháu Nguyễn QuAg Minh - sinh ngày 15/02/2013. Tôi nhất trí như nguyện vọng của cô G, để cô G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh, còn tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo, cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản: Tôi nhất trí về việc vợ chồng có các tài sản như cô G đã trình bày. QuA điểm của tôi về các tài sản này như sau:

- Đối với tài sản là: Ti vi, máy giặt, giàn năng lượng mặt trời, tủ lạnh, tég nước 2,5 khối, máy lọc nước, giường gỗ, tủ quần áo nhựa, một bộ bàn ghế ăn, có tổng giá trị là: 14.700.000 đồng. Tôi đề nghị Tòa án chia đôi, mỗi người một nửa,

các tài sản này hiện cô G đAg quản lý, nhưng tôi muốn quản lý sử dụng các tài sản này, tôi sẽ trả cho cô G 1/2 giá trị là: 7.350.000 đồng

- Đối với tài sản là: 01 ô tô biển kiểm soát 27C – 018.43, 01 xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034, tôi (L) đAg quản lý sử dụng, 01 sập gỗ cô G đAg quản lý, có tổng giá trị là: 163.500.000 đồng, tôi không đồng ý chia, vì đây đều là tài sản riêng của tôi, tôi có từ trước khi kết hôn với cô G. Chiếc sập gỗ tôi mua năm 2009 khi tôi đi làm ở Mường Nhé, khi mua không có giấy tờ gì, đến khoảng năm 2013 – 2014 tôi mới mAg về nhà, chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1. 77034, có nguồn gốc từ việc tôi bán chiếc xe máy Future của tôi có từ trước khi kết hôn vào năm 2013, để mua chiếc xe máy này, giấy tờ mua bán hiện nay tôi đã làm mất.

- Đối với tài sản là số tiền 1.480.000.000 đồng: Nguồn gốc số tiền này do hai vợ chồng tôi bán mảnh đất có địa chỉ tại: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CP 039094, số vào sổ cấp GCN: CH 44786, mAg tên Nguyễn Đức L và Phạm Thị G do UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 16/3/2020, trên đất có ngôi nhà cấp 4 02 giA lợp tôn, mảnh đất này do bà A (là mẹ tôi) cho riêng tôi vào năm 2018, đến ngày 16/3/2020, phường Nam ThAnh thông báo có đợt chuyển đổi đất trồng cây sAg đất ở, do tôi đAg đi làm xa, nên có nhờ cô G vay số tiền 65.000.000 đồng để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, do sơ xuất không đọc kỹ hồ sơ, nên tôi đã ký vào các hồ sơ, đến khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi mới biết cô G có đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 12/2022, vợ chồng tôi đã bán cho Anh Tuấn A với giá 1.580.000.000 đồng. Anh Tuấn A trả trực tiếp cho tôi với cô G 100.000.000 đồng (Là tiền đặt cọc trước khi mua đất, hai vợ chồng đã thống nhất trả tiền nợ là 94.000.000 đồng, 6.000.000 đồng còn lại, tôi quản lý), nên tôi không yêu cầu giải quyết số tiền 100.000.000 đồng này. Số tiền 1.480.000.000 đồng, ngày 03/01/2023 Anh Tuấn A đã chuyển khoản vào tài khoản của tôi, việc Anh Tuấn A chuyển tiền vào tài khoản của tôi, tôi không nói cho cô G biết vì số tiền này tài sản riêng của tôi, nên tôi không nhất trí với yêu cầu của cô G về việc yêu cầu được chia khoản tiền này.

Sau khi Anh Tuấn A chuyển khoản trả 1.280.000.000 đồng tiền mua đất vào tài khoản cho tôi, thì cũng trong ngày 03/01/2023, tôi đã dùng toàn bộ số tiền này để trả các khoản nợ mà tôi đAg nợ cho: mẹ đẻ tôi là bà Phạm Thị Minh A 480.000.000 đồng, chị gái tôi Nguyễn Tuấn Ahị Kiều O số tiền 200.000.000 đồng, em gái tôi Nguyễn Tuấn Ahị Thúy số tiền 100.000.000 đồng, Anh rể tôi Đỗ Đại D số tiền 500.000.000 đồng, số tiền 200.000.000 đồng còn lại, tôi thống nhất trừ vào khoản nợ 200.000.000 đồng tôi còn nợ Anh Tuấn A. Tôi vay các khoản tiền này để phục vụ cho công việc làm ăn. Việc nhận tiền mua đất từ Anh Tuấn A và việc chuyển khoản các khoản tiền trả nợ này, tôi không nói cho cô G biết.

+ Khoản tiền 480.000.000 đồng, tôi vay bà A vào năm 2015 để mua chiếc xe ô tô BKS 27C- 00077 với giá 320.000.000 đồng, mua của Anh Tiên, địa chỉ cụ thể tôi không nhớ rõ, giấy tờ mua bán xe viết tay với nhau, hiện nay tôi đã làm mất. vào năm 2017, tôi đã bán chiếc xe này cho Anh Kỳ, địa chỉ cụ thể tôi không nhớ với giá 160.000.000 đồng. Khi bán có làm thủ tục mua bán bằng giấy viết tay với

nhau, hiện tôi cũng đã làm mất tờ giấy này. Số tiền bán xe, tôi là người quản lý, cô G không biết, số tiền 160.000.000 đồng còn lại sau khi vay bà A mua xe ô tô, tôi dùng để sửa chữa xe và mua xăng.

+ Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng vay Anh D và chị Y: Tôi vay Anh D số tiền vào cuối năm 2017, cụ thể vào ngày nào tôi không nhớ để mua chiếc xe ben BKS 27C - 01843, chiếc xe này tôi mua của Anh Nguyễn Văn Tuấn; Địa chỉ: Đồi 12, xã ThAnh Xương, huyện Đ1 với giá 330.000.000 đồng, mua khoảng tháng 1/2018, khi mua chỉ có giấy tờ viết tay với nhau, có làm thủ tục sAg tên vào năm 2022. Giấy tờ mua bán này tôi đã làm mất, không còn. Chiếc xe này là tài sản mà hiện nay đAg có trAnh chấp với cô G. Khi trả tiền cho Anh Tuấn, tôi là người trực tiếp trả tiền, việc trả tiền chỉ có tôi và Anh Tuấn, số tiền 170.000.000 đồng còn lại trong khoản tiền vay Anh D, tôi dùng để sửa chữa xe và mua dầu.

+ Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng vay của chị Nguyễn Tuấn Ahị Kiều O: Tôi vay chị O số tiền trên vào khoảng cuối năm 2021, cụ thể vào ngày nào tôi không nhớ. Mục đích vay để làm 02 giA nhà cấp IV, lợp tôn, tại vị trí đất mà mẹ tôi cho và đã bán cho Anh Tuấn A. Khi tôi vay tiền của chị O thì chỉ có tôi, chị O và bà A biết, không ai biết, khi tôi hỏi cô G thì cô G nói với tôi là không biết, Anh tự vay tự làm, nên tôi tự vay khoản nợ này, vay bằng tiền mặt.

+ Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng vay của chị Nguyễn Tuấn Ahị Thúy T: Tôi vay chị T số tiền trên vào cuối năm 2020, cụ thể vào ngày nào tôi không nhớ. Mục đích vay để làm nhà tắm, chuồng lợn, chuồng gà tại vị trí đất mà mẹ tôi cho và đã bán cho Anh Tuấn A. Khi tôi vay tiền của chị T thì chỉ có tôi, chị T, Anh Vũ Tiến T2; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Là em rể) và bà A biết, không ai biết, khi tôi hỏi cô G thì cô G nói với tôi là không biết, Anh tự vay tự làm, nên tôi tự vay khoản nợ này, vay bằng tiền mặt.

Khi tôi hỏi vay và nhận tiền vay của bà A, Anh D, chị Y, chị O, chị T, Anh T2, thì chỉ có tôi và những người đã cho tôi vay, không có cô G. Khi nhận tiền vay từ những người này, tôi là người trực tiếp quản lý, chứ không đưa cho cô G, việc vay tiền đều vay bằng tiền mặt.

+ Khoản tiền 200.000.000 đồng nợ Anh Tuấn A: Tôi nợ từ năm 2010, tôi vay Anh Tuấn A để mua chung chiếc xe 29N-0249, khi tôi vay số tiền này có tôi, Anh Tuấn A biết, khi giao tiền có tôi, Anh Tuấn A. Khi mua xe có làm hợp đồng góp tiền chung, nhưng do đã lâu, nên tôi đã vứt đi, khi mua nổi người góp một nửa tiền xe. Chiếc xe này đã bán từ năm 2011 được 95 triệu đồng, sau khi bán xong Anh Tuấn A đưa trả cho tôi 50 triệu, Anh Tuấn A lấy 45 triệu. Khoản tiền 200.000.000 đồng tôi vay Anh Tuấn A, trước khi vay, tôi có nói chuyện với cô G, nhưng cô G bảo tôi Anh thích làm gì thì làm, nên tôi tự vay. Khi nhận tiền vay từ Anh Tuấn A, chỉ có tôi, không có cô G. Việc vay tiền giữa tôi với Anh Tuấn A có được làm giấy vay tiền, trong tờ giấy vay tiền này chỉ có chữ ký của tôi và Anh Tuấn A.

Đối với tài sản chung là bộ bàn ghế gỗ trị giá khoảng 15.000.000 đồng, tôi và cô G đã thỏa thuận được với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ: Đối với khoản nợ của bà Lưu Thị T1 là: 20.000.000 đồng, chúng tôi đã trả cho Bà T1, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. *Ý kiến của bà Phạm Thị Minh A:* Tôi là mẹ đẻ của Anh L và là mẹ chồng của chị G. Vào ngày 26/6/2015 tôi có cho Anh L vay 480.000.000 đồng tiền mặt, để mua xe ô tô 27C- 00077. Khi vay có tôi, Anh L và người bán chiếc xe ô tô 27C- 00077 cho L, tôi đưa trực tiếp tiền cho L, L nhận tiền từ tôi và trả tiền cho người bán xe, không có chị G, việc tôi cho L vay tiền, tôi chỉ ghi vào quyển sổ của tôi, chứ không làm biên bản vay mượn gì. Ngày 03/01/2023 Anh L đã trả đủ tiền cho tôi bằng hình thức chuyển khoản. Nguồn tiền mà Anh L trả cho tôi là tiền mà Anh L và chị G đã bán mảnh đất tôi cho Anh L. Ngoài khoản tiền nợ của tôi, tôi có biết Anh L còn nợ tiền của vợ chồng Anh D, chị Y (Là chị gái, Anh rể của Anh L) số tiền 500.000.000 đồng vay vào năm 2017, nợ chị Nguyễn Tuấn Ahị Kiều O (là chị gái của Anh L) số tiền 200.000.000 đồng vào năm 2021, và nợ em gái Anh L là chị Nguyễn Tuấn Ahị Thúy T, số tiền 100.000.000 đồng. Vì tôi là người trực tiếp vận động các con cho Anh L vay, để làm ăn. Nếu Anh L không trả được, thì tôi sẽ phải là người đứng lên trả thay. Những lần Anh L vay tiền của Anh D, chị Y, chị O, chị T đều có tôi, những lần vay và nhận tiền này, chỉ có một mình Anh L, không có chị G, nhưng chị G có biết về việc Anh L vay tiền của những người này. Các khoản nợ này, sau khi nhận tiền bán đất của Anh Tuấn A, Anh L đã lấy tiền bán đất trả hết cho mọi người.

Anh L trước làm nghề lái xe thuê, đến năm 2015 Anh L mua xe riêng, làm nghề lái xe trở thuê vật liệu xây dựng, thu nhập của L như thế nào tôi không nắm được, còn chị G làm may tại nhà, đi lấy hàng về may thuê, G có thu nhập như thế nào tôi cũng không nắm được.

Tại phiên tòa bà A thay đổi lời khai, khi bà đưa tiền cho Anh L vay, chỉ có bà và Anh L biết, sau khi nhận tiền vay từ bà khoảng hai đến ba tháng sau Anh L mới tìm người mua được chiếc xe ô tô 27C- 00077, Anh L mua chiếc xe bao nhiêu tiền, mua của ai bà không biết. Bà không có ý kiến gì về việc thay đổi lời khai của mình tại phiên tòa.

3.2. *Ý kiến của Anh Đỗ Đại D:* Tôi (Dương) là Anh rể của Anh L, chị G. Vào khoảng năm 2017 tôi (Dương) có cho Anh L vay 500.000.000 đồng tiền mặt, để mua xe ô tô tải 27C- 01843, Anh L là người chủ động hỏi tôi để vay tiền, khi Anh L hỏi vay tiền, cũng như khi giao và nhận tiền, chỉ có tôi, Anh L, bà A, vợ tôi (cô Y), không có chị G, việc tôi cho Anh L vay tiền, có làm hợp đồng. Khoản tiền này Anh L đã trả cho tôi vào ngày 03/01/2023. Tôi được biết nguồn gốc số tiền mà Anh L trả cho tôi là tiền mà Anh L và chị G đã bán mảnh đất mà bà A đã cho Anh L.

3.3. *Ý kiến của chị Nguyễn Tuấn Ahị Kiều O:* Tôi (OAnh) là chị gái của Anh L. Vào ngày 23/3/2020 tôi (OAnh) có cho Anh L vay 100.000.000 đồng tiền mặt,

để chi tiêu dùng trong giai đoạn khó khăn dịch bệnh Covid 19. Đến ngày 10/5/2021, Anh L lại hỏi vay tôi số tiền 100.000.000 đồng bằng tiền mặt để sửa chữa nhà cửa, việc tôi cho Anh L vay tiền tôi có làm hợp đồng vay tiền giữa tôi, Anh L. Anh L là người chủ động hỏi tôi vay tiền, khi Anh L hỏi vay cũng như khi giao và nhận tiền chỉ có tôi với Anh L, không có chị G. Hai khoản tiền này Anh L đã trả cho tôi vào ngày 03/01/2023. Tôi được biết nguồn gốc số tiền mà Anh L trả cho tôi là tiền mà Anh L và chị G đã bán mảnh đất mà bà A đã cho Anh L.

3.4. Ý kiến của chị Nguyễn Tuấn Ahị Thúy T: Tôi (Thành) là em gái của Anh L. Vào ngày 10/4/2022 tôi (Thành) có cho Anh L vay 100.000.000 đồng tiền mặt, để sửa chữa nhà cửa, làm công trình phụ. Anh L là người chủ động hỏi tôi để vay tiền, khi Anh L hỏi vay cũng như khi giao, nhận tiền chỉ có tôi với Anh L, không có chị G, việc tôi cho Anh L vay tiền, có làm hợp đồng. Khoản tiền này Anh L đã trả cho tôi vào ngày 03/01/2023. Tôi được biết nguồn gốc số tiền mà Anh L trả cho tôi là tiền mà Anh L và chị G đã bán mảnh đất mà bà A đã cho Anh L. Việc Anh L vay mẹ và các chị em trong nhà một khoản tiền lớn như vậy, các chị em trong nhà ai cũng biết, nhưng không ai thông báo gì cho chị G, vì chị G là chị dâu, nhưng không có sự kết nối với mọi người trong gia đình nhà chồng.

3.5. Ý kiến của Anh Nguyễn Tuấn A: Tôi là bạn của Anh L, tháng 12/2022, tôi có mua của Anh L, chị G 01 thửa đất, khi mua chúng tôi có kiểm tra, xác nhận đây là tài sản của vợ chồng G L, khi mua chúng tôi thỏa thuận với nhau giá mảnh đất là 1.600.000.000 đồng, Anh L, chị G bớt cho tôi 20.000.000 đồng, giá còn 1.580.000.000 đồng, tôi đặt cọc trước 100.000.000 đồng, khi đặt cọc tôi là người trực tiếp cầm tiền đặt cọc đưa cho chị G bằng tiền mặt, khi đưa có cả Anh L. Sau đó Anh L gọi điện thoại cho tôi, bảo tôi chuyển tiền vào tài khoản của Anh L, nên tôi đã chuyển, còn Anh L có nói với chị G về việc tôi đã chuyển tiền mua đất cho Anh L hay không, thì tôi không biết. Tôi đã chuyển khoản vào tài khoản cho Anh L số tiền 1.280.000.000 đồng, còn sau đó Anh L làm gì với khoản tiền này tôi không biết. Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng còn lại, thì tôi và Anh L thống nhất là trả vào khoản nợ mà Anh L còn nợ tôi từ khoảng năm 2009 - 2010, có giấy vay tiền hiện nay Anh L đang giữ.

Nguồn gốc số tiền mà Anh L nợ tôi là vào năm 2009, tôi và Anh L có mua chung một chiếc xe ô tô ben IPha, biển kiểm soát bao nhiêu tôi không nhớ chính xác, mua của ai tôi cũng không còn nhớ, mua xe giá 160.000.000 đồng, sau đó sửa chữa vào thì tổng giá trị chiếc xe khoảng 220.000.000 đồng. Tôi với Anh L mỗi người một nửa giá trị chiếc xe. Mục đích mua xe là trở vật liệu công trình cho các doanh nghiệp ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình trở vật liệu, thì không thu hồi được tiền cước xe, nên sau đó chúng tôi đã bán chiếc xe này đi, khi bán chiếc xe được 95.000.000 đồng cho Anh Tuấn ở sân bay, hiện nay Anh Tuấn đi đâu, làm gì tôi không biết. Sau khi bán xong tôi trả cho Anh L 50.000.000 đồng, còn tôi giữ 45.000.000 đồng. Sau đó Anh L và tôi chốt công nợ, Anh L còn

nợ tôi khoản tiền là 200.000.000 đồng. Từ đó cho đến khi Anh L, chị G bán đất cho tôi, Anh L chưa trả cho tôi khoản tiền này, đến khi bán đất Anh L mới trả cho tôi. Việc tôi với Anh L mua xe và làm ăn chung nhau, Anh L có nói với chị G hay không, tôi không biết. Khi tôi với Anh L chót nợ với nhau, chỉ có tôi và Anh L, không có chị G.

Bản án số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị G về việc: Ly hôn, trẢnh chấp về nuôi con, tài sản khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị G và Anh Nguyễn Đức L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị G được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn QuAg Minh - sinh ngày 15/02/2013; Anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương Thảo - sinh ngày 01/12/2010 đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản:

- Chị G được quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 Tivi nhãn hiệu Sony 43 in, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu PAasonic, trị giá 2.000.000 đồng; 01 giàn năng lượng mặt trời, trị giá 4.000.000 đồng. 01 tủ lạnh PAasonic, trị giá 1.000.000 đồng; 01 téc nước 2,5 khối, trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Ariston, trị giá 500.000 đồng; 01 giường to gỗ Pơ mu, trị giá 2.000.000 đồng; 01 tủ quần áo nhựa 04 ngăn, trị giá 200.000 đồng, một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, có giá 2.000.000 đồng, 01 sập gỗ có giá: 1.500.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là: 16.200.000 đồng; chị G phải trả cho Anh L 1/2 giá trị tài sản là: 8.100.000 đồng. (Tám triệu, một trăm nghìn đồng).

- Anh L được quyền quản lý sử dụng các tài sản: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, chiếc xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034 có tổng giá trị là 162.000.000 đồng, Anh L phải trả lại cho chị G 1/2 giá trị của 02 tài sản này là 81.000.000 đồng (Tám mươi một triệu đồng).

- Anh L phải trả cho chị G số tiền: 592.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi hai triệu đồng).

Sau khi đối trừ đi, Anh L còn phải trả cho chị G tổng số tiền là: (81.000.000 đồng + 592.000.000 đồng) - 8.100.000 đồng = 664.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh L không trả cho chị G khoản tiền trên, thì Anh L còn phải trả cho chị G khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản là: 01 bộ bàn ghế trị giá 15.000.000 đồng và yêu cầu giải quyết về khoản nợ chung 20.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a, b khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 31.244.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng số tiền án phí chị G phải nộp là: 31.544.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.313.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002162 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Trả lại cho chị G 769.000 đồng tiền án phí. Anh L phải chịu 41.313.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Ngày 23/01/2024 Tòa án nhân dân thành phố Đ gửi Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, số 01/2024, ngày 22/01/2024 cho Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên với nội dung đính chính như sau:**

- Tại dòng thứ 29 từ trên xuống trAg 14 đã ghi:....mười hai triệu đồng).

Nay bổ sung dưới dòng 29 trang 14 như sau:

Anh L được hưởng tổng số tài sản là: 8.100.000 đồng + 81.000.000 đồng + 888.000.000 đồng = 977.100.000 đồng.

- Tại dòng thứ 33 từ trên xuống trAg 14 đã ghi: Sau khi đối trừ đi, Anh L còn phải trả cho chị G tổng số tiền là: (81.000.000 đồng + 592.000.000 đồng) - 8.100.000 đồng = 664.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tư triệu đồng).

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Sau khi đối trừ đi, Anh L còn phải trả cho chị G tổng số tiền là: (81.000.000 đồng + 592.000.000 đồng) - 8.100.000 đồng = 664.900.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng).

Chị G được hưởng tổng số tiền là: 8.100.000 đồng + 81.000.000 đồng + 592.000.000 đồng = 681.100.000 đồng.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2023 Anh L có đơn kháng cáo và đơn sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo ngày 02/10/2023, Anh Nguyễn Đức L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của chị G về việc tranh chấp tài sản khi ly hôn; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí và các chi phí tố tụng của bản án sơ thẩm.

Tóm tắt nội dung kháng cáo như sau:

Việc chia giá trị quyền sử dụng đất cho Anh L và chị G theo tỷ lệ 6/4 là không thỏa đáng, lý do thửa đất có giấy chứng nhận QSDĐ số CP 039094, ngày cấp 26/3/2020, tên chủ sử dụng: Phạm Thị G, Nguyễn Đức L là tài sản riêng của Anh L, nguồn gốc đất là của bà A (mẹ đẻ Anh L) cho riêng Anh L, có biên bản phân chia tài sản cho các con được lập vào ngày 10/12/2013, đến ngày 18/01/2014 thì Văn phòng đăng ký QSDĐ thành phố Đ đã trích lục bản đồ địa chính, trên cơ sở phân chia ngày 26/10/2015 Anh L được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BG 066929, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 39, diện tích 293,7m², trong đó đất ở là 60m², đất trồng cây hàng năm khác là 233,7m², tên chủ sử dụng là Nguyễn Đức L. Do có nhu cầu muốn chuyển đổi thêm đất ở nên Anh L có bảo chị G mua giấy tờ đi làm thủ tục chuyển đổi thêm đất ở và chuyển đổi giấy CNQSDĐ, nên chị G ở nhà đã tự ý đi làm thủ tục cấp giấy cho thêm tên chị G vào, đến ngày 26/3/2020 thì được cấp giấy CNQSDĐ số CP 039094, ngày cấp 26/3/2020, tên chủ sử dụng: Phạm Thị G, Nguyễn Đức L, vì là tài sản mẹ đẻ Anh L tặng, cho riêng Anh L nên Anh L không đồng ý chia cho chị G.

Đối với các tài sản khác như: Xe ô tô tải BKS 27C – 018.43, xe máy Dream BKS 27B1-77.034 là tài sản riêng mua trước khi kết hôn với chị G nên không đồng ý chia cho chị G; Bộ sập gỗ mua ở Mường Nhé từ năm 2008, mua trước khi kết hôn nên cũng không đồng ý chia cho chị G; giường đôi, ti vi, giàn năng lượng, tủ lạnh, téc nước, máy lọc nước, máy giặt, tủ nhựa quần áo, bộ bàn ăn, toàn bộ tài sản này đều do Anh L mua từ tài sản do đi làm, vay mượn của Anh chị em mà có nên không đồng ý chia cho chị G.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa phúc thẩm, ngày 27/12/2023, chị G và Anh L đã nộp các tài liệu, chứng cứ bao gồm các tin nhắn giữa Anh L và một người phụ nữ; và giữa chị G với một người đàn ông khác trên tin nhắn Facebook, nội dung tin nhắn có thể hiện trao đổi tình cảm qua lại giữa hai bên. Tuy nhiên tại phiên Tòa cả Anh L và chị G đều trình bày mục đích nộp các tài liệu chứng cứ này chỉ để chứng minh cho việc tình cảm giữa 2 người đã không còn nên việc đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là chính đáng, và không có ý kiến gì khác đối với việc giải quyết về qua hệ hôn nhân.

* Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn, chị yêu cầu Anh L chia cho chị số tiền 250.000.000 đồng từ tiền bán đất và bao gồm cả những tài sản vật dụng gia đình mà chị đã quản lý, và giao lại chiếc sập gỗ cho Anh L quản lý; Đồng thời nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận, thống nhất được toàn bộ nội dung về việc phân chia tài sản chung trong vụ án và yêu cầu HĐXX phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong bản án, cụ thể như sau:

- Chị G được quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 Ti vi nhãn hiệu Sony 43 in, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu PAasonic, trị giá 2.000.000 đồng; 01 giàn năng lượng mặt trời, trị giá 4.000.000 đồng. 01 tủ lạnh PAasonic, trị giá

1.000.000 đồng; 01 téc nước 2,5 khối, trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Ariston, trị giá 500.000 đồng; 01 giường to gỗ Pơ mu, trị giá 2.000.000 đồng; 01 tủ quần áo nhựa 04 ngăn, trị giá 200.000 đồng, một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, có giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là: 14.700.000 đồng và số tiền 250.000.000 đồng từ tiền bán đất, Anh L có trách nhiệm phải trả cho chị G. Tổng tài sản chị G được hưởng là 250.000.000đ + 14.700.000 đ = 264.700.000 đồng (Hai trăm sáu tư triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Anh L được quyền quản lý sử dụng các tài sản: 01 sập gỗ có giá: 1.500.000 đồng; chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, chiếc xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034 có tổng giá trị là 162.000.000 đồng và số tiền bán thửa đất cho Anh Nguyễn Tuấn A, có giấy chứng nhận QSDĐ số CP 039094, ngày cấp 26/3/2020, tên chủ sử dụng: Phạm Thị G, Nguyễn Đức L; Địa chỉ thửa đất: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, số tiền là 1.480.000.000 đồng, Anh L có trách nhiệm chia cho chị G là 250.000.000 đồng, vậy số tiền Anh L được hưởng là 1.230.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng).

- Anh L phải trả cho chị G số tiền là: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Cụ thể các lần trả như sau:

+ Ngày 10/03/2024 Anh L phải trả cho chị G 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Ngày 10/04/2024 Anh L phải trả cho chị G 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh L không trả cho chị G khoản tiền trên, thì Anh L còn phải trả cho chị G khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án:

Cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau:

Kháng cáo của bị đơn là đúng thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS và có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 272 BLTTDS.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản, các đương sự đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận với các nội dung sau:

- Chị G được quản lý sử dụng toàn bộ tài sản đã quản lý bao gồm: 01 Tivi nhãn hiệu Sony 43 in; 01 máy giặt nhãn hiệu PAasonic; 01 giàn năng lượng mặt

trời, 01 tủ lạnh PAasonic; 01 téc nước 2,5 khối; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Ariston; 01 giường to gỗ Pơ mu; 01 tủ quần áo nhựa 04 ngăn; một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ và Anh L phải trả cho chị G số tiền 250 triệu đồng từ tiền bán đất.

- Anh L được quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 sập gỗ; chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, chiếc xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034 và được hưởng số tiền bán đất là 1.230.000.000 đồng, đồng thời có trách nhiệm trả cho chị G 250tr, cụ thể: ngày 10/3/2024 L trả cho chị 100 triệu đồng, số tiền 150 triệu đồng còn lại Anh L có trách nhiệm trả vào ngày 10/4/2024.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 300, 308, 309 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A, Anh D có mặt tại phiên tòa. Bà T1, Anh Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do, chị O, chị ThAnh, Anh T2 vắng mặt có lý do (có đơn xin vắng mặt).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự có tên nêu trên.

Tại phiên tòa Anh L có ý kiến không tiếp tục nhờ ông Nguyễn Xuân Kiểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Anh L nữa, bản thân Anh L tự bảo vệ quyền lợi cho mình, xét đề nghị của Anh L được HĐXX chấp nhận theo quy định của BLTTDS.

Kháng cáo của bị đơn là đúng thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS và có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 272 BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn, đồng thời nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án yêu cầu HĐXX phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong bản án, cụ thể như sau:

- Chị G được quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 Ti vi nhãn hiệu Sony 43 in, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu PAasonic, trị giá 2.000.000 đồng; 01 giàn năng lượng mặt trời, trị giá 4.000.000 đồng. 01 tủ lạnh PAasonic, trị giá

1.000.000 đồng; 01 téc nước 2,5 khối, trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Ariston, trị giá 500.000 đồng; 01 giường to gỗ Pơ mu, trị giá 2.000.000 đồng; 01 tủ quần áo nhựa 04 ngăn, trị giá 200.000 đồng, một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, có giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là: 14.700.000 đồng và số tiền 250.000.000 đồng từ tiền bán đất, Anh L có trách nhiệm phải trả cho chị G. Tổng tài sản chị G được hưởng là 250.000.000đ + 14.700.000 đ = 264.700.000 đồng (Hai trăm sáu tư triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Anh L được quyền quản lý sử dụng các tài sản: 01 sập gỗ có giá: 1.500.000 đồng; chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, chiếc xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034 có tổng giá trị là 162.000.000 đồng và số tiền bán thừa đất cho Anh Nguyễn Tuấn A, có giấy chứng nhận QSDĐ số CP 039094, ngày cấp 26/3/2020, tên chủ sử dụng: Phạm Thị G, Nguyễn Đức L; Địa chỉ thửa đất: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, số tiền là 1.480.000.000 đồng, Anh L có trách nhiệm chia cho chị G là 250.000.000 đồng, vậy số tiền Anh L được hưởng là 1.230.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng).

- Anh L phải trả cho chị G số tiền là: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Cụ thể các lần trả như sau:

+ Ngày 10/03/2024 Anh L phải trả cho chị G 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Ngày 10/04/2024 Anh L phải trả cho chị G 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 /BLTTDS.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 31/2023/HNGĐ-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vì các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại cấp Phúc thẩm nên căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toà án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Chị Phạm Thị G phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 264.700.000 đ x 5% = 13.235.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ba mươi năm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.313.000 đồng

tại biên lai thu tiền số 0002162 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Trả lại cho chị G 19.078.000 đồng tiền án phí.

- Anh L phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 1.393.500.000 đ. Cách tính cụ thể như sau: $(1.393.500.000 \text{ đ} - 800.000.000) \times 3\% + 36.000.000 \text{ đ} = 53.805.000 \text{ đ}$ tiền án phí. (chưa nộp).

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000005, ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228,, khoản 2 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308/BLTTDS; Điều 309; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148/BLTTDS; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy bA thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với các nội dung sau:

- Chị G được quyền quản lý, sử dụng các tài sản: 01 Ti vi nhãn hiệu Sony 43 in, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu PAasonic, trị giá 2.000.000 đồng; 01 giàn năng lượng mặt trời, trị giá 4.000.000 đồng. 01 tủ lạnh PAasonic, trị giá 1.000.000 đồng; 01 téc nước 2,5 khối, trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Ariston, trị giá 500.000 đồng; 01 giường to gỗ Pơ mu, trị giá 2.000.000 đồng; 01 tủ quần áo nhựa 04 ngăn, trị giá 200.000 đồng, một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, có giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là: **14.700.000 đồng** và số tiền bán thừa đất có giấy chứng nhận QSDĐ số CP 039094, ngày cấp 26/3/2020, tên chủ sử dụng: Phạm Thị G, Nguyễn Đức L; Địa chỉ thửa đất: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là **250.000.000 đ** (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Tổng là **264.700.000 đ** (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Anh L được quyền quản lý sử dụng các tài sản: 01 sập gỗ có giá: 1.500.000 đồng; chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 018.43, chiếc xe máy DREM, biển kiểm soát 27B1. 77034 có tổng giá trị là 162.000.000 đồng và số tiền bán thừa đất cho Anh Nguyễn Tuấn A, có giấy chứng nhận QSDĐ số CP 039094, ngày cấp 26/3/2020, tên chủ sử dụng: Phạm Thị G, Nguyễn Đức L; Địa chỉ thửa đất: Bản K,

phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, số tiền là 1.480.000.000 đồng, Anh L có trách nhiệm chia cho chị G là 250.000.000 đồng, vậy số tiền Anh L được hưởng là **1.230.000.000 đồng** (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

- Anh L phải trả cho chị G số tiền: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Cụ thể các lần trả như sau:

+ Ngày 10/03/2024 Anh L phải trả cho chị G 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Ngày 10/04/2024 Anh L phải trả cho chị G 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị G phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 13.235.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ba mươi năm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.313.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002162 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Trả lại cho chị G 19.078.000 đồng tiền án phí.

- Anh L phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 53.805.000 đ (năm mươi ba triệu tám trăm linh năm nghìn đồng) tiền án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000005, ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/02/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Chi cục THADS tp Điện Biên Phủ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Thủy